

Số: /QĐ-PVCFC

Cà Mau, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Tiêu chuẩn cơ sở của sản phẩm NPK Cà Mau 18-16-8+TE”

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT;

Căn cứ Quyết định số 100/ QĐ-PVCFC ngày 20/01/2021 về việc Phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc Công ty;

Xét đề nghị của Nhà máy Đạm Cà Mau tại Tờ trình số /TTr-ĐCM ngày / /2021 về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở số 46:2021/PVCFC của sản phẩm NPK Cà Mau 18-16-8+TE như đính kèm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở số 46:2021/PVCFC của sản phẩm NPK Cà Mau 18-16-8+TE như đính kèm

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban/Văn phòng và các bộ phận, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TGD (thay b/c);
- Ban KD, KTATTT, KSNB;
- Lưu VT, ĐCM.

Đính kèm:

- Tiêu chuẩn cơ sở số 46:2021/PVCFC;

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 46:2021/PVCFC

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU**

Địa chỉ: Lô D, Khu công nghiệp Phường 1, Đường Ngô Quyền, Phường 1, Thành Phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290 38 19000

Fax: 0290 35 90501

Website: www.pvcfc.com.vn

CÔNG BỐ:

Tên tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 46:2021/PVCFC**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa: **NPK CÀ MAU 18-16-8+TE**

- Đóng bao: 50 kg; 40 kg; 25 kg

- Thương hiệu:



Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau cam kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Cà Mau, ngày tháng năm 2021

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Tùng





TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 46:2021/PVCFC

NPK CÀ MAU 18-16-8+TE

Lần soát xét: 01

Cà Mau, ngày tháng năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

A Lô D, KCN Phường 1, Đ. Ngô Quyền, P. 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
T 0290 381 9000 **F** 0290 359 0501 **W** www.pvcfc.com.vn



MỤC LỤC

1. Phạm vi áp dụng.....	5
2. Tài liệu tham khảo	5
3. Yêu cầu kỹ thuật	5
3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường	5
3.2. Yêu cầu về ngoại quan	5
3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng	5
3.4. Công dụng:	6
3.5. Hướng dẫn sử dụng:	6
3.6. Bao gói, ghi nhãn.....	6
3.6.1. Bao gói	6
3.6.2. Ghi nhãn.....	6
3.7. Vận chuyển.....	6
3.8. Bảo quản.....	6
3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:.....	6
Phụ lục:	7



LỜI MỞ ĐẦU

TCCS 46:2021/PVCFC được soát xét từ TCCS 46:2017/PVCFC ban hành theo Quyết định số 1726/QĐ-PVCFC ngày 7/9/2017 để bổ sung thiết kế bao bì mới cho sản phẩm phù hợp với Thương hiệu mới.

TCCS 46:2021/PVCFC được Lãnh đạo Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Cà Mau công bố tại Quyết định số: /QĐ-PVCFC ngày tháng năm 2021.



1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm phân bón hỗn hợp NPK Cà Mau 18-16-8+TE thương hiệu PHÂN BÓN CÀ MAU – “Hạt Ngọc Mùa Vàng” do Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau sản xuất và kinh doanh.

2. Tài liệu tham khảo

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính Phủ về “Nhãn hàng hóa”.
- Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc “Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”.
- Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định về quản lý phân bón.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-189: 2019/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón.

3. Yêu cầu kỹ thuật

3.1. Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường

- Không gây nguy hiểm khi hít phải ở điều kiện bình thường.
- Gây kích ứng nhẹ đối với mắt, không ăn được.

3.2. Yêu cầu về ngoại quan

Hạt có một màu, không có tạp chất, hoà tan tốt trong nước.

3.3. Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1	Đạm tổng số (N_{ts})	% KL	18	TCVN 5815:2018 TCVN 8557:2010
2	Lân hữu hiệu (P_2O_{5hh})	% KL	16	TCVN 5815:2018 TCVN 8559:2010
3	Kali hữu hiệu (K_2O_{hh})	% KL	8	TCVN 8560:2018
4	Canxi (Ca)	%	2,2	TCVN 9284:2018
5	Magiê (Mg)	%	1,2	TCVN 9285:2018
6	Kẽm (Zn)	ppm	500	TCVN 9289:2012
7	Bo (B)	ppm	400	TCVN 10679:2015



STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức chất lượng	Phương pháp thử
8	Độ ẩm	% KL	2	TCVN 5815:2018 TCVN 9297:2012

3.4. Công dụng:

- Tăng sinh trưởng, phát triển và hạn chế sâu bệnh.
- Tăng năng suất, chất lượng nông sản và lợi nhuận.
- Cải thiện độ phì nhiêu của đất.
- Bổ sung trung vi lượng cần thiết cho cây trồng.

3.5. Hướng dẫn sử dụng:

Chuyên dùng cho cây ăn trái: Bón 300-600 g/cây/lần (4-5 lần/năm: sau thu hoạch/sau đậu trái/ trái phát triển bón 2-3 lần).

3.6. Bao gói, ghi nhãn

3.6.1. Bao gói

- Phân bón hỗn hợp NPK Cà Mau 18-16-8+TE được đóng gói bằng 2 lớp bao, lớp bên ngoài bằng vật liệu PP, lớp bên trong bằng vật liệu PE, đảm bảo giúp sản phẩm không bị hút ẩm và không bị rách, vỡ khi vận chuyển;
- Khối lượng tịnh: 50 kg; 40 kg; 25 kg.

3.6.2. Ghi nhãn

- Nhãn được in trên bao bì, màu sắc và nội dung ghi trên nhãn theo Phụ lục đính kèm.

3.7. Vận chuyển

- Khi vận chuyển, phương tiện phải đảm bảo sạch sẽ, khô ráo và được che mưa nắng.
- Không sử dụng móc để bốc dỡ sản phẩm.

3.8. Bảo quản

- Bảo quản nơi thông thoáng, khô ráo, được che mưa nắng, không để trực tiếp lên sàn nhà ẩm ướt.

3.9. Ngày sản xuất và hạn sử dụng:

- Hạn sử dụng (HSD): 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.



Phụ lục 1:
CHI TIẾT THIẾT KẾ BAO BÌ SẢN PHẨM
PHÂN BÓN HỖN HỢP NPK CÀ MAU 18-16-8+TE

(Đính kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 46:2021/PVCFC ban hành theo QĐ số: /QĐ-PVCFC ngày tháng năm 2021)

Mẫu bao bì sản phẩm NPK Cà Mau 18-16-8+TE – bao 50 kg, 40 kg, 25 kg.

